

Số: /TB - SGTVT

Hải Phòng, ngày tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Luồng đường thủy nội địa Lạch Cái Viềng (thông báo lần đầu)

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Sở Giao thông vận tải thông báo luồng đường thủy nội địa (thông báo định kỳ) như sau:

1. Tên luồng: lạch Cái Viềng.
2. Chiều dài luồng: 4,75km
3. Cấp kỹ thuật luồng: Cấp III
4. Tọa độ tìm luồng và biên luồng: (Theo phụ lục gửi kèm)
5. Tình hình luồng: Luồng không có chướng ngại vật, công trình vượt trên luồng
6. Bãi cạn, đoạn cạn: Luồng không có bãi cạn, đoạn cạn. Luồng đảm bảo chuẩn tắc theo cấp kỹ thuật đã công bố.

Sở Giao thông vận tải trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Công an TP;
- Cảng vụ HHHP; Chi cục ĐTNĐ KVI;
- Cảng vụ ĐTNĐ KV1, Cảng vụ ĐTNĐ HP;
- GD, PGD N.M. Tuấn;
- Cổng Thông tin điện tử Sở GTVTHP;
- Lưu: VT, HTGT&ATGT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tuấn

TỌA ĐỘ TIM LUỒNG VÀ BIÊN LUỒNG TUYẾN LẠCH CÁI VIÈNG
(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$; múi chiếu 3°)

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (20m)		Biên Phải (20m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
1	Km 00+000	2303321,676	620746,956	20°49'07.41"	106°54'42.86"	2303340,429	620740,005	2303302,923	620753,908	
2	Km 00+100	2303356,435	620840,721	20°49'08.52"	106°54'46.11"	2303375,188	620833,769	2303337,682	620847,673	
3	Km 00+200	2303391,194	620934,486	20°49'09.63"	106°54'49.36"	2303409,947	620927,534	2303372,441	620941,438	
4	Km 00+300	2303431,895	621025,677	20°49'10.93"	106°54'52.53"	2303449,291	621015,809	2303414,499	621035,546	
5	Km 00+400	2303489,576	621107,161	20°49'12.79"	106°54'55.36"	2303504,665	621094,033	2303474,488	621120,289	
6	Km 00+500	2303562,296	621175,561	20°49'15.14"	106°54'57.74"	2303574,476	621159,697	2303550,116	621191,425	
7	Km 00+600	2303646,518	621229,307	20°49'17.86"	106°54'59.62"	2303656,585	621212,025	2303636,451	621246,588	
8	Km 00+700	2303732,927	621279,642	20°49'20.66"	106°55'01.38"	2303742,994	621262,360	2303722,860	621296,923	
9	Km 00+800	2303819,335	621329,976	20°49'23.46"	106°55'03.15"	2303829,402	621312,695	2303809,268	621347,258	
10	Km 00+900	2303903,364	621384,053	20°49'26.18"	106°55'05.04"	2303915,377	621368,063	2303891,351	621400,043	
11	Km 01+000	2303978,390	621450,018	20°49'28.60"	106°55'07.34"	2303992,711	621436,058	2303964,068	621463,979	
12	Km 01+100	2304042,421	621526,701	20°49'30.66"	106°55'10.00"	2304058,713	621515,100	2304026,129	621538,302	
13	Km 01+200	2304093,945	621612,291	20°49'32.32"	106°55'12.98"	2304111,822	621603,324	2304076,068	621621,258	
14	Km 01+300	2304133,830	621703,946	20°49'33.59"	106°55'16.16"	2304152,630	621697,123	2304115,030	621710,770	
15	Km 01+400	2304159,976	621800,348	20°49'34.42"	106°55'19.50"	2304179,647	621796,738	2304140,304	621803,958	
16	Km 01+500	2304170,970	621899,682	20°49'34.75"	106°55'22.93"	2304190,909	621898,119	2304151,031	621901,246	
17	Km 01+600	2304178,785	621999,377	20°49'34.98"	106°55'26.38"	2304198,724	621997,813	2304158,846	622000,940	
18	Km 01+700	2304186,601	622099,071	20°49'35.22"	106°55'29.83"	2304206,540	622097,508	2304166,662	622100,634	
19	Km 01+800	2304194,416	622198,765	20°49'35.45"	106°55'33.28"	2304214,355	622197,202	2304174,477	622200,328	
20	Km 01+900	2304202,232	622298,459	20°49'35.68"	106°55'36.73"	2304222,171	622296,896	2304182,293	622300,022	
21	Km 02+000	2304215,752	622397,440	20°49'36.09"	106°55'40.16"	2304235,285	622393,139	2304196,220	622401,740	

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (20m)		Biên Phải (20m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
22	Km 02+100	2304245,275	622492,862	20°49'37.03"	106°55'43.47"	2304263,823	622485,380	2304226,727	622500,343	
23	Km 02+200	2304290,218	622582,064	20°49'38.47"	106°55'46.56"	2304307,267	622571,609	2304273,168	622592,518	
24	Km 02+300	2304349,336	622662,574	20°49'40.37"	106°55'49.36"	2304364,415	622649,435	2304334,257	622675,712	
25	Km 02+400	2304415,643	622737,429	20°49'42.51"	106°55'51.97"	2304430,612	622724,165	2304400,675	622750,694	
26	Km 02+500	2304481,966	622812,271	20°49'44.65"	106°55'54.57"	2304496,935	622799,006	2304466,998	622825,535	
27	Km 02+600	2304548,289	622887,112	20°49'46.79"	106°55'57.18"	2304563,258	622873,848	2304533,321	622900,377	
28	Km 02+700	2304608,315	622966,949	20°49'48.72"	106°55'59.95"	2304625,245	622956,302	2304591,384	622977,596	
29	Km 02+800	2304654,266	623055,636	20°49'50.19"	106°56'03.03"	2304672,728	623047,945	2304635,804	623063,326	
30	Km 02+900	2304684,868	623150,717	20°49'51.16"	106°56'06.33"	2304704,350	623146,195	2304665,385	623155,238	
31	Km 03+000	2304699,272	623249,557	20°49'51.61"	106°56'09.75"	2304719,234	623248,330	2304679,310	623250,783	
32	Km 03+100	2304697,599	623349,457	20°49'51.53"	106°56'13.20"	2304717,558	623350,729	2304677,639	623348,186	
33	Km 03+200	2304691,242	623449,255	20°49'51.30"	106°56'16.65"	2304711,201	623450,527	2304671,282	623447,984	
34	Km 03+300	2304684,885	623549,053	20°49'51.07"	106°56'20.10"	2304704,844	623550,324	2304664,925	623547,781	
35	Km 03+400	2304678,527	623648,851	20°49'50.84"	106°56'23.55"	2304698,487	623650,122	2304658,568	623647,579	
36	Km 03+500	2304676,565	623748,621	20°49'50.75"	106°56'27.00"	2304696,352	623745,707	2304656,779	623751,534	
37	Km 03+600	2304714,752	623839,918	20°49'51.97"	106°56'30.17"	2304730,719	623827,875	2304698,784	623851,961	
38	Km 03+700	2304775,913	623919,034	20°49'53.94"	106°56'32.92"	2304791,734	623906,799	2304760,091	623931,268	
39	Km 03+800	2304837,085	623998,141	20°49'55.91"	106°56'35.67"	2304852,907	623985,906	2304821,264	624010,375	
40	Km 03+900	2304898,258	624077,248	20°49'57.88"	106°56'38.42"	2304914,079	624065,013	2304882,437	624089,482	
41	Km 04+000	2304956,113	624158,584	20°49'59.74"	106°56'41.25"	2304974,050	624149,738	2304938,176	624167,429	
42	Km 04+100	2304999,219	624248,816	20°50'01.12"	106°56'44.38"	2305017,267	624240,198	2304981,171	624257,434	
43	Km 04+200	2305056,817	624329,451	20°50'02.97"	106°56'47.19"	2305069,810	624314,246	2305043,824	624344,656	
44	Km 04+300	2305144,484	624376,421	20°50'05.81"	106°56'48.83"	2305152,157	624357,951	2305136,812	624394,891	

STT	Lý trình	Tim luồng				Biên Trái (20m)		Biên Phải (20m)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	Lat (WGS84)	Long (WGS84)	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
45	Km 04+400	2305236,833	624414,783	20°50'08.81"	106°56'50.18"	2305244,506	624396,314	2305229,161	624433,253	
46	Km 04+500	2305329,383	624452,640	20°50'11.81"	106°56'51.52"	2305336,185	624433,832	2305322,581	624471,448	
47	Km 04+600	2305425,669	624479,442	20°50'14.93"	106°56'52.47"	2305430,538	624460,043	2305420,800	624498,840	
48	Km 04+700	2305522,661	624503,785	20°50'18.08"	106°56'53.34"	2305527,529	624484,387	2305517,792	624523,184	
49	Km 04+750	2305571,166	624515,959	20°50'19.65"	106°56'53.77"	2305576,034	624496,561	2305566,297	624535,358	